

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 518/2023/HC-PT

Ngày: 08/7/2023

*“Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 7 năm /2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 291/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2022/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7103/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: Số nhà C, TT28, khu đô thị V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (Có mặt ông T, vắng mặt bà Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Ngọc K sinh năm 1932, địa chỉ: Số nhà B ngõ B đường G, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội;

- Ông Lê Văn K1 sinh năm 1958, địa chỉ: P chung cư C L, quận T, thành phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tập thể H phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1951; Địa chỉ: D ngõ E N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

(Ông K vắng mặt, ông K1, ông T1 và ông H đều có mặt).

* Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: E H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Hữu T2 – Phó chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng D - Trưởng phòng GPMB Ban QLDA, bà Tạ Thị Thu P và ông Nghiêm Xuân H1 – Chuyên viên Ban QLDA (Có mặt ông D và ông H1, vắng mặt bà P).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Anh M – Phó chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: UBND quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ thống nhất trình bày:**

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ khởi kiện đối với Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 do không đồng ý với việc áp giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Cụ thể:

- UBND quận Đ áp giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường không phải giá đất tại thời điểm Quyết định thu hồi đất như pháp luật quy định mà lại căn cứ vào giá đất tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND thành phố H để bồi thường cho gia đình ông, bà. Trong khi đó, Quyết định số 5151/QĐ-UBND được ban hành trước thời điểm thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường.

- UBND quận Đ sử dụng văn bản qui phạm pháp luật đã hết hiệu lực làm căn cứ xác định giá đất bồi thường cho gia đình ông, bà là trái quy định của Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật. Cụ thể: Quyết định 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 chỉ có hiệu lực thi hành trong khoảng thời gian từ 01/01/2015 đến 31/12/2019. Do đó, ngày 15/4/2020 thời điểm ban hành Quyết định thu hồi

đất và phê duyệt phương án bồi thường thì Quyết định 96/2014/QĐ-UBND đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 “ Về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ 01/01/2020 đến 31/12/2024” và Quyết định số 5151/2018/QĐ-UBND cũng không còn giá trị pháp lý nên không được áp dụng làm căn cứ bồi thường từ sau ngày 31/12/2019 trở đi.

- UBND quận Đ đã vi phạm pháp luật về việc xác định lại giá đất để tính tiền bồi thường khi căn cứ vào Quyết định 5151/2018/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 để phê duyệt giá đất bồi thường trước ngày ban hành quyết định thu hồi đất của ông, bà hơn 18 tháng.

- UBND quận Đ ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường chậm nhưng không xử lý thỏa đáng theo quy định. Theo quy định pháp luật việc chậm bồi thường do lỗi của cơ quan có thẩm quyền thì Nhà nước phải bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường. Việc chậm ban hành quyết định thay thế Quyết định 5151/2018/QĐ-UBND để làm căn cứ xác định giá đất là lỗi của UBND thành phố H và UBND quận Đ.

Ông Trần Văn T3 và bà Lê Thị Đ đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông, bà và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Yêu cầu UBND quận Đ ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo giá đất mới cho ông, bà theo Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H.

Ý kiến của người bị kiện là UBND quận Đ:

Về trình tự thủ tục và căn cứ pháp lý để UBND quận Đ ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ như sau:

*** Bồi thường về đất:**

Ngày 29/4/2020, UBND phường P có Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, số nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất:

- Tổng diện tích đang sử dụng: 62,7m².

- Diện tích thu hồi: 62,7m².

- Diện tích còn lại: 0m².

- Trong đó 62,1m² đã được UBND quận Đ Giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/8/2006, Số GCN 10109292934; 0,3m² là phần diện tích không có giấy tờ về QSD đất, là phần sai số đo đạc trong quá trình cấp GCNQSD đất. Toàn bộ ranh

giới thửa đất không thay đổi, không tranh chấp với người sử dụng đất liền kề, không lấn chiếm; Diện tích 0,3m² nằm trên vỉa hè đường T.

- Theo quy định của Luật Đất đai về giá đất khi thực hiện bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

+ Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013:

“3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.”

+ Quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013:

“...2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

+ Quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013:

“4. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.”

- Thực hiện của UBND Thành phố về giá đất khi thực hiện GPMB:

+ Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố:

“Việc xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện sau khi có Thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện theo quy định hiện hành ”.

+ Quy định tại Điều 8 Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của UBND Thành phố về trình tự, thủ tục khi xác định giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 31/02/2017 của UBND thành phố, trong đó: “Ủy ban nhân dân Thành phố Ủy cho ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố”.

+ Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quyết định số 11/2017/QĐ- UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó: “Ủy ban nhân dân thành phố Ủy cho UBND cấp huyện ban hành

quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai ”.

Như vậy, căn cứ vào trình tự thủ tục, thẩm quyền xác định giá đất làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nêu trên, thì dự **án thu hồi đất giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố được thực hiện theo quy trình:** “Xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ được thực hiện trước thời điểm thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ”.

+ Ngày 09/6/2020, UBND thành phố có Văn bản số 2290/UBND-KT xử lý vướng mắc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, trong đó UBND thành phố chỉ đạo: “Đối với trường hợp UBND cấp huyện đã ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư một phần thì tiếp tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo giá đất đã được phê duyệt, đảm bảo tính kế thừa và thống nhất trong cùng dự án”.

- Việc áp dụng giá đất khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án:

Ngày 09/9/2019, UBND thành phố có Thông báo số 299/TB-VP thông báo kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố N tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và triển khai Dự án đường Vành đai 2 đoạn cầu M - N - N, trong đó: UBND Thành phố đồng ý để UBND quận Đ lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng hệ số điều chỉnh K cụ thể tương đương với hệ số K tại địa bàn quận T đối với các vị trí đất thực tế thu hồi, đảm bảo đồng nhất hệ số điều chỉnh giá đất K trong cùng một Dự án.

Ngày 27/3/2020, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 1072/QĐ- UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1085/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ.

Đến thời điểm UBND quận Đ ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ, UBND thành phố chưa ban hành quyết định nào thay thế cho Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018.

Như vậy, UBND quận Đ đã thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quyết định giá đất cụ thể đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 (còn hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất), Thông báo số 299/TB-VP ngày 09/9/2019 và Thông báo số 136/TB-VP ngày 04/5/2020 là đúng quy định và đúng với chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 2290/UBND-KT ngày 09/6/2020.

Như vậy, UBND quận Đ phê duyệt phương án bồi thường về đất là đúng thẩm quyền, đúng quy định.

*** Về bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:**

Theo biên bản điều tra khảo sát hiện trạng tài sản trên đất của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ gồm: Nhà BTCT 4 tầng.

Tại Giấy chứng nhận của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ, tài sản thể hiện trên giấy chứng nhận là nhà bê tông 4 tầng, diện tích xây dựng 62,1m², diện tích sử dụng 211m² (Giấy chứng nhận cấp ngày 04/8/2006).

Theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai, Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H, UBND quận Đ đã phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản như sau:

Phần tài sản hợp pháp được bồi thường 100% gồm: Nhà BTCT 04 tầng, diện tích xây dựng 62,1m², diện tích sử dụng 211m².

Phần tài sản không thể hiện trên Giấy chứng nhận: Được hỗ trợ mức 10%.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản không thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp quy định.

Thực hiện Thông báo số 136/TB-VP ngày 04/5/2020 của UBND thành phố về kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Quốc H2 tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB dự án, trong đó thành phố cho phép UBND quận Đ phê duyệt phương án hỗ trợ theo chính sách tương tự như các hộ tại Tổ 43 đã được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản 1338/UBND-ĐT ngày 24/3/2017: "...UBND quận Đ phê duyệt hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc với tỷ lệ bằng 100% đơn giá xây dựng mới theo quy định đối với phần tài sản đã ghi trong GCN (phù hợp với hiện trạng); phần tài sản, công trình xây dựng không thể hiện trên GCN, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường theo giá đất ở, được hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng mới..., phần xây dựng trên đất không được cấp GCN UBND quận Đ phê duyệt hỗ trợ 10% đơn giá xây dựng mới...". UBND quận Đ đã phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản như sau:

- Phần tài sản hợp pháp bồi thường 100% đơn giá xây dựng mới.
- Phần tài sản không phù hợp với hiện trạng thể hiện trên đất đủ điều kiện bồi thường x 80% đơn giá xây dựng mới.
- Phần tài sản trên đất không đủ điều kiện bồi thường: hỗ trợ 10% .

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản đã thực hiện đúng quy định.

*** Về việc bố trí tái định cư:**

Tại điểm a khoản 1 Điều 7 quy định: "1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam có đủ điều kiện được bồi thường mà không còn

đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi, thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở, trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài bị thu hồi toàn bộ đất ở...."

Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường P ngày 15/11/2019: hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ không ăn ở tại địa chỉ GPMB, không có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường do đó được bố trí 01 căn hộ tái định cư.

Ngày 29/4/2020, hộ gia đình có đơn không nhận nhà tái định cư và xin nhận tiền tự lo tái định cư, có xác nhận của UBND phường P.

Thực hiện Điều 30 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2019, Quyết định 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND thành phố H về việc phê duyệt mức hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với trường hợp được bố trí nhà tái định cư. Do đó, UBND quận đã phê duyệt điều chỉnh cho hộ gia đình theo phương án hỗ trợ tự lo tái định cư tại Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 là đúng theo quy định.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ:**

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/06/2014 của UBND thành phố H và các văn bản pháp lý thực hiện dự án. UBND quận Đ khẳng định các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 27/3/2020, Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND quận Đ cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ tại địa chỉ GPMB: số B đường T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội thuộc diện GPMB thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 đoạn từ cầu V đến N, kết hợp mở rộng theo Quy hoạch phân đi bằng đoạn từ V đến N theo hình thức BT là đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến của UBND phường P, quận Đ:

Căn cứ Công văn số 162/TCT-QLNĐ ngày 12/02/2020 của Tổng Công ty Đ2 về việc cung cấp thông tin về các trường hợp có sự sai khác về diện tích giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng đang sử dụng thực hiện dự án.

Tổng diện tích đang sử dụng: 62,7m².

Diện tích đất bị thu hồi: 62,7m².

Trong đó: Diện tích có giấy tờ về QSD đất: 62,1m²; Diện tích không có giấy tờ về QSD đất: 0,6m² (0,3m² là sai số đo đạc; 0,3m² nằm trên vỉa hè đường T).

Diện tích đất còn lại: 0m².

Tình trạng nhà ở, đất ở khác ngoài địa điểm thu hồi đất trong địa bàn phường xã thị trấn: Không.

- Về nhà ở, công trình trên đất:

Theo biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của tổ công tác GPMB lập ngày 27/8/2018: Nhà BTCT 4 tầng.

+ Nhà ở, công trình xây dựng (không phải là nhà ở) hợp pháp (Theo quy định tại Điều 31, 32 Nghị định 43): Diện tích xây dựng hiện trạng: 62,7m². Trên GCN thể hiện diện tích xây dựng là 62,1m², diện tích sử dụng: 211m² (GCN cấp ngày 13/7/2011).

+ Nhà ở, công trình xây dựng không hợp pháp: Không.

- Về việc sử dụng đất và xây dựng nhà, công trình trên đất: Không có tranh chấp, không có nhân khẩu trực tiếp ăn ở, sinh sống tại địa chỉ thu hồi đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2022/HC-ST ngày 24/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Đ1 b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ.

Hủy phần Bồi thường hỗ trợ về đất tại các Quyết định sau:

- Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ;

- Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ.

Buộc UBND quận Đ phê duyệt lại Phương án bồi thường hỗ trợ về đất đối với hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, người bị kiện là UBND quận Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ

trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi của các hộ dân khi thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường V từ cầu V đến N, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân đi bằng đoạn từ V đến N theo hình thức bồi thường trên địa bàn phường P, quận Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm thể hiện UBND quận Đ đã thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải quyết khiếu nại theo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ông T, bà Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND quận Đ và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận Đ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai do cơ quan hành chính Nhà nước ban hành, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND quận Đ về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ là Quyết định hành chính liên quan đến yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên cũng được xem xét khi xét xử giải quyết vụ án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T không nhất trí với phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất nên ngày 04/5/2020 đã có đơn khiếu nại gửi UBND quận Đ, tuy nhiên không được giải quyết trong thời hạn quy định, do vậy ông T đã gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố H và Bí thư quận ủy Đ3 đề đơn đốc việc giải quyết theo quy định. Đến thời điểm khởi kiện ông T vẫn không nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 15/10/2021 ông T, bà Đ làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về thẩm quyền: Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc Phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận Đ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ là Quyết định của Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khiếu kiện và Quyết định hành chính liên quan:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

Ngày 15/4/2020, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 1072/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, Quyết định số 1085/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ; Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[2.2] Về nội dung các Quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính liên quan:

- Đối với Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ:

Căn cứ vào Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 15/02/2012 của UBND thành phố H về việc phê duyệt hồ sơ chỉ giới đường đỏ tuyến đường vành đai 2; Quyết định số 5860/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND thành phố về việc

phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình đường V, đoạn V - chợ M1; Biên bản xác định mốc giới ngày 15/5/2013; Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Đ được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 06/3/2020; Thông báo thu hồi đất ngày 07/8/2018 của UBND quận Đ; Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 17/9/2018; Xác nhận của UBND phường P ngày 15/11/2019; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất có xác nhận của UBND phường P năm 2019; Ngày 15/4/2020, UBND quận Đ ban hành Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 thu hồi 62,70m² đất của hộ ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ tại địa chỉ số B đường T, thuộc thửa đất số 103 (một phần), tờ bản đồ 5H-I-11, phường P, quận Đ, Hà Nội là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND quận Đ, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND thì hộ ông T bà Đ được bồi thường:

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ được duyệt là: **6.636.156.306 đồng.**

Trong đó: Tiền mua nhà tái định cư là: **1.203.950.540 đồng.**

Số tiền được nhận sau khi trừ tiền nhà tái định cư (đã làm tròn): **5.432.205.000 đồng.**

Trong phương án chi tiết kèm theo thể hiện đơn giá đất thực hiện theo Quyết định 5151/QĐ-UBND là 85.376.000 đồng đối với diện tích 62,1m²; 0,6m² không đủ điều kiện bồi thường. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của diện tích đất thu hồi là **5.301.849.600 đồng.**

Ngoài ra phương án còn có giá trị bồi thường bằng nhà chung cư, bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Do hộ gia đình ông T, bà Đ không nhận nhà tái định cư và xin hỗ trợ tự lo tái định cư nên UBND quận Đ đã ban hành Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trong đó điều chỉnh tăng 1.821.364.316 đồng và bồi thường về đất đối với diện tích 0,3m² do có sai số đo đạc với giá trị 25.612.800 đồng; đơn giá đất bồi thường vẫn giữ nguyên là 85.376.000 đồng/m².

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Về diện tích, vị trí đất thu hồi, tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ được UBND quận Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10109292934 ngày 04/8/2006 với thửa đất số 103A, tờ bản đồ số 5H-I-II; Địa chỉ: Số B đường T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

UBND quận Đ đã ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích 62,7m² và lập phương án bồi thường đúng diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Về căn cứ áp dụng đơn giá bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông T, bà Đ:

UBND quận Đ thực hiện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quyết định giá đất đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018, Thông báo số 299/TB-VP ngày 09/9/2019 và Thông báo số 136/TB-VP ngày 04/5/2020 và theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 2290/UBND-KT ngày 09/6/2020.

Giá đất được áp dụng theo các phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các phương án điều chỉnh đối với hộ ông T, bà Đ là 85.376.000 đồng/m² tương ứng với vị trí 1 đường T.

Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án **Xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu V đến N theo hình thức Hợp đồng BT được** UBND thành phố H **phê duyệt từ năm 2011** thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, UBND thành phố có thẩm quyền quyết định giá đất cụ thể được sử dụng để căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 74; khoản 3, khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013.

Theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo **giá** đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.”

Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013 quy định: UBND cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể. Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm giúp UBND cấp tỉnh tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể.

Theo khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013, giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:... Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai 2013, khoản 5 Điều 4 Nghị định 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về giá đất và khoản 4 Điều 3 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, giá đất cụ thể được xác định bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng đối với trường hợp tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi được tính như sau:

Giá trị của thửa đất cần định giá ($01m^2$) = Giá đất trong bảng giá đất x Hệ số điều chỉnh giá đất. Trong đó:

- Giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ban hành áp dụng theo từng giai đoạn 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ.

- Hệ số điều chỉnh giá đất khi tính tiền bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ quyết định hệ số điều chỉnh giá đất cho từng dự án tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất.

Ngày 31/12/2019, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

Tuy nhiên, UBND quận Đ căn cứ Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 để xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính bồi thường về đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ cũng như các hộ khác ở tổ D phường P, quận Đ với lý do căn cứ vào Thông báo số 136 ngày 04/5/2020 về việc Kết luận của đồng chí phó Chủ tịch UBND thành phố H Nguyễn Quốc H2 tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và triển khai Dự án Vành đai 2 đoạn Cầu M - N trên địa bàn quận H và quận Đ là chưa phù hợp với quy định pháp luật như đã nêu ở trên.

Thực tế tại thời điểm có Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông T bà Đ là ngày 15/4/2020 thì Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 đã có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020 và thay thế các Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung quy định kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019.

Theo đó giá đất tại Vị trí A đường T theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 là 40.000.000 đồng/m². Giá đất tại vị trí tương ứng theo Quyết định 30/2019/QĐ-UBND là 46.000.000 đồng.

Do đó, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Đ khởi kiện đề nghị UBND quận Đ tính lại đơn giá bồi thường về đất ở là có căn cứ.

- Về bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

Theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai, Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H, UBND quận Đ đã phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản như sau:

Phần tài sản hợp pháp được bồi thường 100% gồm: Nhà BTCT 04 tầng, diện tích xây dựng là 62,1m², diện tích sử dụng: 211m².

Phần tài sản không thể hiện trên GCN: Được hỗ trợ mức 10%.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản không thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp quy định.

Thực hiện Thông báo số 136/TB-VP ngày 04/5/2020 của UBND Thành phố về kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Quốc H2 tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB dự án, trong đó thành phố cho phép UBND quận Đ phê duyệt phương án hỗ trợ theo chính sách tương tự như các hộ tại Tổ 43 đã được UBND thành phố chấp thuận tại Văn bản 1338/UBND-ĐT ngày 24/3/2017, UBND quận Đ đã phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản như sau:

- Phần tài sản hợp pháp bồi thường 100% đơn giá xây dựng mới.

- Phần tài sản không phù hợp với hiện trạng thể hiện trên đất đủ điều kiện bồi thường x 80% đơn giá xây dựng mới.

- Phần tài trên đất không đủ điều kiện bồi thường: hỗ trợ 10% .

Như vậy, UBND quận Đ phê duyệt điều chỉnh về tài sản đối với hộ ông T, bà Đ và bồi thường, hỗ trợ về tài sản đã thực hiện đúng quy định.

Từ việc áp dụng sai chính sách bồi thường về giá đất đã gây thiệt hại cho gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ, nên cần hủy Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND quận Đ về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Buộc UBND quận Đ phải thực hiện lại việc phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ theo đúng quy định pháp luật.

[2.3] Về tái định cư: Theo xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường P thì hộ gia đình ông(bà) Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ không thường xuyên ăn ở tại địa chỉ nơi thu hồi đất. Ngày 29/4/2020 hộ gia đình ông T, bà Đ có đơn không nhận nhà tái định cư và xin nhận tiền tự lo tái định cư, có xác nhận của UBND phường P.

Thực hiện Điều 30 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2019, Quyết định 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND Thành phố H về việc phê

duyet mức hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với trường hợp được bố trí nhà tái định cư. Do đó, UBND quận đã phê duyệt điều chỉnh cho hộ gia đình theo phương án hỗ trợ tự lo tái định cư tại Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 là đúng quy định.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và hủy một phần (phần bồi thường hỗ trợ về đất) đối với Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND quận Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người bị kiện là UBND quận Đ, thành phố Hà Nội; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2022/HC-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: UBND quận Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001141 ngày 28/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận UBND quận Đ, thành phố Hà Nội đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC HN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải

